

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thân;
- Ông Nguyễn Phú Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Duy Khanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 607/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Quách Thị D, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cư trú tại: tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Số định danh cá nhân: 038188044048.

- *Bị đơn:* anh Phạm Văn T, sinh năm 1985; vắng mặt.

Cư trú tại: tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Số định danh cá nhân: 082085000007.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Quách Thị D trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T2, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống anh chị không còn tình cảm vợ chồng, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần

nhưng không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2006 và Phạm Minh L, sinh ngày 03/7/2014. Cháu Phạm Thị Yến N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Phạm Minh L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quách Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2026, bị đơn – anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Quách Thị D tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T2, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị D có người đàn ông khác. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Từ tháng 7/2025 anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2006 và Phạm Minh L, sinh ngày 03/7/2014. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Quách Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân **khuvực 11-Tây Ninh**:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao chị Quách Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh L, ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và

tài sản riêng, nợ riêng: không yêu cầu giải quyết. Về án phí: chị Quách Thị D chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Quách Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D và anh T.

[2] Về hôn nhân: chị D và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: chị D và anh T có mâu thuẫn, cự cãi nhau. Anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được, tuy sống chung nhà nhưng anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 7/2025. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình thì: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.* 2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Xét thấy hôn nhân của chị D và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: chị D và anh T có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2006 và Phạm Minh L, sinh ngày 03/7/2014. Cháu Phạm Thị Yến N đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Minh L. Cháu L có nguyện vọng được sống chung với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh L là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Quách Thị D và anh Phạm Minh T1 không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Quách Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị D về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

1.1. Về hôn nhân: Chị Quách Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn T.

1.2. Về con chung: Chị Quách Thị D và anh Phạm Văn T có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2006 và Phạm Minh L, sinh ngày 03/7/2014. Cháu Phạm Thị Yến N đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao chị Quách Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Phạm Minh L, ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Quách Thị D và anh Phạm Minh T1 không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Quách Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009910 ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Quách Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT (1);
 - VKSND khu vực 11-Tây Ninh (2);
 - THADS tỉnh Tây Ninh (1);
 - UBND xã Thạnh Bình
- (Giấy CN Kết hôn:UBND xã Thạnh Bình cũ cấp ,
Số 104 ngày 17/7/2006);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu tập án (P).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

